

**CÔNG TY TNHH VIỆT NAM MIRACLE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VIỆT NAM MIRACLE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM MIRACLE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET NAM MIRACLE CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110476112

**3. Ngày thành lập:** 14/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 197 Hồ Tùng Mậu, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0869899359

Fax:

Email: [miracleacademy.timescity@gmail.com](mailto:miracleacademy.timescity@gmail.com)  
Website: [il.com](http://il.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo) (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 8230     |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Trừ dịch vụ báo cáo tòa án; Trừ hoạt động đấu giá tài sản; Trừ dịch vụ lấy lại tài sản)                                                       | 8299     |
| 3.  | Giáo dục nhà trẻ<br>Hoạt động giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến ba tuổi.<br>(chỉ hoạt động khi được cấp phép)                                                                                                          | 8511     |
| 4.  | Giáo dục mẫu giáo<br>(chỉ hoạt động khi được cấp phép)                                                                                                                                                                    | 8512     |
| 5.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                            | 8531     |
| 6.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                         | 8532     |
| 7.  | Giáo dục thể thao và giải trí<br>(trừ hoạt động của các sân nháy)                                                                                                                                                         | 8551     |
| 8.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>(trừ hoạt động của các sân nháy)                                                                                                                                                           | 8552     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính;<br>- Trung tâm ngoại ngữ.<br>(trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)      | 8559(Chính) |
| 10. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>- Tư vấn giáo dục;<br>- Tư vấn du học<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục<br>(chỉ hoạt động khi được cấp phép)                                                                                                                                                                            | 8560        |
| 11. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)<br>(không tổ chức tại trụ sở) | 9000        |
| 12. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ những lĩnh vực nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                      | 9329        |
| 13. | Quảng cáo<br>(không bao gồm những hành vi cấm trong hoạt động quảng cáo) (Trừ quảng cáo thuốc lá, hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                              | 7310        |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                            | 7320        |
| 15. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7721        |
| 16. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                           | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: CHU NGỌC HOÀN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/04/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001193048651

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 1M7, khu tập thể Mai Hương, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 197 Hồ Tùng Mậu, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CHU NGỌC HOÀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/04/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001193048651

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Số 1M7, khu tập thể Mai Hương, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 197 Hồ Tùng Mậu, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội